



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 01 (từ 01/01/19 – 04/01/19)



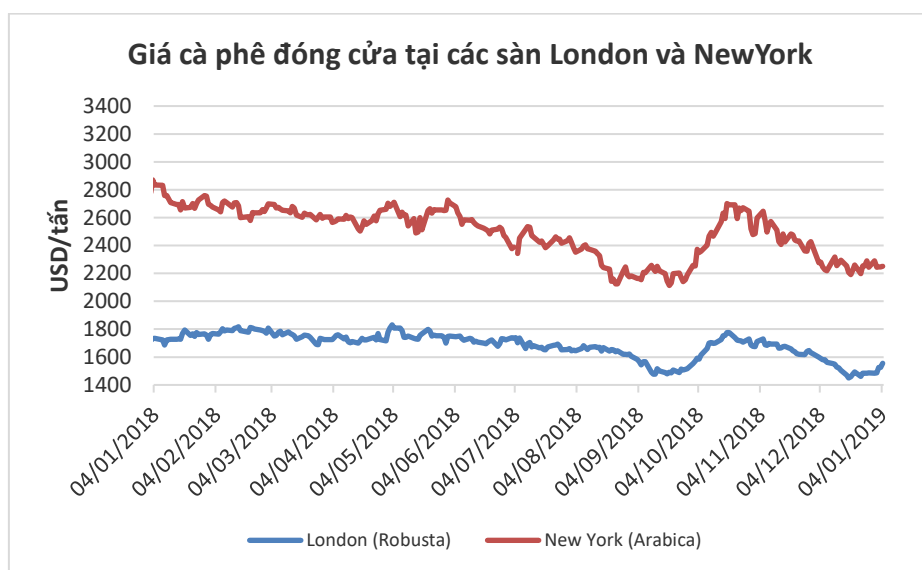
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tuần này tăng 2,4% so với tuần trước lên mức 1.515,6 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica tuần này tăng 0,3% lên mức 2.255,3 USD/tấn.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã điều chỉnh tăng dự báo nguồn cung cà phê toàn cầu trong niên vụ 2018/19 lên mức 174,5 triệu bao.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này 1.515,6 USD/tấn, tăng 2,4% so với tuần trước và thấp hơn 12,3% so với cùng kỳ năm 2018. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.556 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.485 USD/tấn. [1]

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.255,3 USD/tấn, tăng 0,3% so với mức giá tuần trước và thấp hơn 20,3 % so với cùng thời điểm năm 2018.



Giá cao nhất trong tuần đạt 2.290,6 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.243,2 USD/tấn. [1]

Giá cà phê tuần qua tăng nhẹ trong bối cảnh căng thẳng thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc có dấu hiệu giảm nhiệt, đồng Real tăng thêm 0,6% lên ở mức 1 USD = 3,7550 Real, trong khi USD giảm nhẹ kèm theo các báo cáo kinh tế Mỹ lạc quan hơn đã hỗ trợ giá cà phê. Tuy vậy, tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) dự báo thời gian tới, giá cà phê thế giới sẽ tiếp tục xu hướng giảm do kinh tế toàn cầu có khả năng tăng trưởng chậm lại và còn tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ có những tác động nhất định đến nhu cầu tiêu thụ cà phê.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã điều chỉnh tăng dự báo nguồn cung cà phê toàn cầu trong niên vụ 2018/19 thêm 1,93%, lên mức 174,5 triệu bao. Trong khi đó, USDA cũng dự báo nhu cầu cà phê toàn cầu trong niên vụ 2018/19 sẽ là 163,6 triệu bao. Như vậy, lượng thặng dư cung cầu cà phê được dự báo ở mức 10,9 triệu bao.

Theo chiều hướng khác, mới đây Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) đã điều chỉnh giảm dự báo thặng dư cà phê toàn cầu năm 2018 xuống còn 1,59 triệu bao, mặc dù sản lượng được điều chỉnh tăng. ICO cho rằng dư thừa cà phê chỉ là ngắn hạn, trong khi nhu cầu tiêu thụ hàng năm vẫn tăng trưởng ổn định.

Theo Bloomberg, một quỹ của Ngân hàng Thế giới World Bank đã tài trợ cho Burundi, một quốc gia ở Đông Phi, để phát triển dự án tăng gấp đôi sản lượng cà phê. Theo đó dự án này có tên *Dự án hỗ trợ phát triển tính cạnh tranh của ngành cà phê*, khởi động từ năm 2016 với số tiền 55 triệu USD. Kể từ đó, sản lượng cà phê đã được nâng lên từ 15.000 tấn lên 18.000 tấn vào năm 2018. Đại diện của dự án ông Richard Giramahoro cho biết mục tiêu của dự án là nâng sản lượng xuất khẩu của Burundi lên 22.000 tấn cà phê vào năm 2019 và đạt sản lượng 30.000 tấn vào năm 2022.



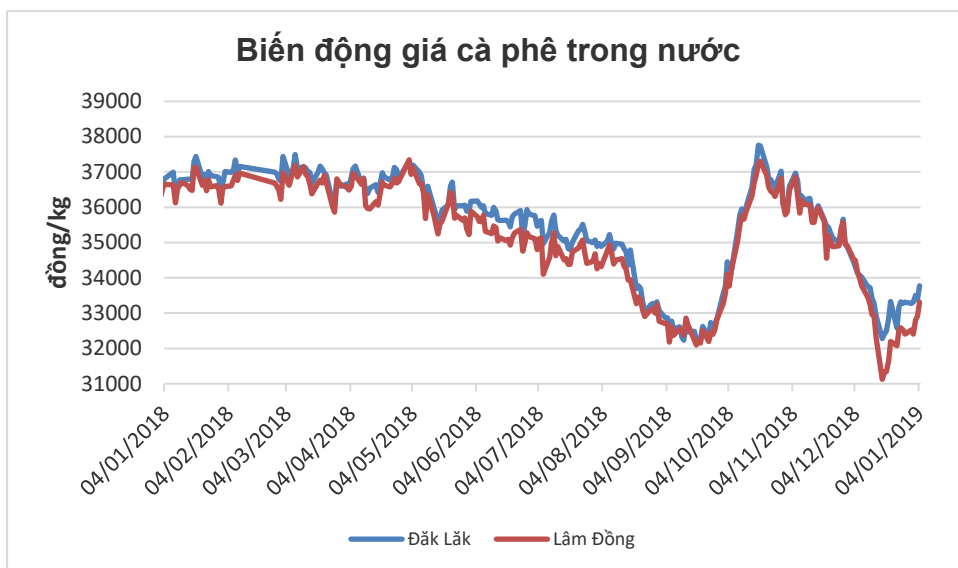
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên tăng từ 1% - 1,1% trong tuần vừa qua.

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) tăng 1,6% so với tuần trước lên mức 1.441 USD/tấn.

Năm 2018, xuất khẩu cà phê của nước ta đạt 1,882 triệu tấn, trị giá 3,544 tỷ USD.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 33.450 đồng/kg, tăng 1% so với mức giá tuần trước và thấp hơn 8,7% so với cùng kỳ năm 2018. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 1,1% so với tuần trước, lên mức 32.790 đồng/kg, và thấp hơn 10,2% so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này tăng 1,6% so với tuần trước lên mức 1.441 USD/tấn và vẫn thấp hơn 12,5% so với cùng kỳ năm 2017. [5]

Thị trường cà phê trong nước hồi phục trong bối cảnh thị trường cà phê thế giới biến động tích cực khi đồng Real Brazil tăng giá ủng hộ tân Tổng thống Brazil Bolsonaro, cùng lúc đồng USD mất giá khiến cho giá cà phê hai sàn tăng lên. [5]

Năm 2018, xuất khẩu cà phê của nước ta đạt 1,882 triệu tấn, trị giá 3,544 tỷ USD, tăng 20,1% về lượng song chỉ tăng 1,2% về trị giá so với năm 2017. Tháng 12/2018, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam đạt mức 1.794 USD/tấn, giảm 3,8% so với tháng 11/2018 và giảm 10,0% so với tháng 12/2017. Năm 2018, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt



Nam đạt mức 1.883 USD/tấn, giảm 15,7% so với năm 2017.

Dự báo về niên vụ 2018/19 sắp tới, phó chủ tịch Hiệp hội Cà phê Việt Nam (Vifoca) nhận định sản lượng cà phê sẽ giảm khoảng 20%, xuống còn 1,2 triệu tấn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu năm 2018 và diện tích trồng cà phê giảm khoảng 6% trong năm 2017 và năm 2018 do chuyển đổi cây trồng. Và cà phê xuất khẩu sẽ tiếp tục gặp khó khăn do giá cà phê thế giới vẫn chưa có dấu hiệu tăng lên.

Nhận định về bức tranh ngành cà phê trong năm 2019, Bộ NNPTNT cho biết, giá cà phê thời gian tới khó có thể khởi sắc do sản lượng vụ cà phê mới của Brazil quá dồi dào. Bởi vậy, để tránh những tác động từ giá cà phê thế giới, giảm thiểu rủi ro cho ngành cà phê thời gian tới, giới chuyên gia khuyến cáo: Mấu chốt vẫn là cần đẩy mạnh hơn nữa khâu chế biến cà phê, xuất khẩu cà phê rang xay thay vì chủ yếu xuất khẩu cà phê thô như hiện tại. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cần phải chú trọng xây dựng thương hiệu một cách hiệu quả cho cà phê Việt Nam.

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. Vietnambiz.vn
- [10]. Vinanet.vn



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần 01 (01/01-04/01/2019)

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh / Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	32.800	33.267	33.600	33.567	33.967	227
Ea H'leo (xô vối)	32.667	33.300	33.600	33.567	33.933	220
Krông Năng (xô vối)	32.467	33.133	33.367	33.267	33.600	107
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	33.100	33.600	33.900	33.900	34.200	193
Ea H'leo (xô vối)	33.000	33.500	33.800	33.800	34.200	220
Krông Năng (xô vối)	32.600	33.300	33.600	33.400	33.800	120
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	32.033	32.567	33.000	33.133	33.333	413
Di Linh (xô vối)	32.000	32.200	32.500	32.700	33.200	320
Lâm Hà (xô vối)	32.200	32.800	32.900	32.900	33.400	170
Đà Lạt (xô chè)	41.000	43.000	40.000	39.000	41.000	-1800
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	32.533	33.067	33.500	33.633	32.700	240
Di Linh (xô vối)	32.500	32.700	33.000	33.200	33.700	320
Lâm Hà (xô vối)	32.500	33.100	33.400	33.400	33.900	217
Đà Lạt (xô chè)	42.000	44.000	41.000	40.000	42.000	-1800
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	32.600	32.950	33.400	33.450	33.950	410
Đắk R'lấp (xô vối)	32.467	32.733	33.183	33.283	33.783	367
Đắk Song (xô vối)	32.525	32.850	33.250	33.350	33.850	360
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	32.950	33.250	33.700	33.750	34.250	410
Đắk R'lấp (xô vối)	32.767	32.933	33.500	33.583	34.083	370
Đắk Song (xô vối)	32.825	33.350	33.550	33.650	34.150	370
Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	32.600	32.800	33.200	33.300	33.700	327
Plei ku (xô vối)	32.500	32.767	33.300	33.333	33.800	340
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	33.233	33.500	33.833	33.967	34.367	307
Pleiku (xô vối)	33.167	33.400	33.900	33.967	34.400	333



Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	32.500	33.100	33.500	33.300	33.700	100
Đắk Hà (xô vối)	32.450	33.050	33.450	33.250	33.650	100
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	32.600	33.300	33.600	33.400	33.800	100
Đắk Hà (xô vối)	32.600	33.300	33.600	33.400	33.800	100

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn